



Diễn tả khoảng thời gian

1. 她 工作 了 三年。

Tā gōngzuò le sān nián.

2. 我们 坐 了 一个 小时 公共 汽车。

Wǒmen zuò le yí ge xiǎoshí gōnggòng qìchē.

3. 她 看了 半 个 小时 电视 了。

Tā kàn le bàn ge xiǎoshí diànshì le.

ĐÚC KẾT CÔNG THỨC